

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 15/ 4/2021  
V/v: Tranh chấp ly hôn và con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Thanh Xuyên;

Bà Dương Thị Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Thanh Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên:** Không tham gia

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn và con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh năm 1994, có mặt

Bị đơn: Anh Đồng Văn M, sinh năm 1988, có mặt

Đều trú tại: Xóm N, xã B, Tp Sông Công, Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều Tr trình bày:***

Chị và anh Đồng Văn M kết hôn năm 2011 đăng ký tại UBND xã B, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Vợ chồng chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó quan hệ vợ chồng rạn nứt nảy sinh nhiều mâu thuẫn bất

đồng quan điểm do anh M cờ bạc, có quan hệ ngoài luồng với người thứ ba. Chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2014 không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh M để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 02 con chung là Đồng Phương L, sinh ngày 31/8/2013; Đồng Văn D, sinh ngày 17/9/2011. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Đồng Phương L; Đồng Văn D cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Chị xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

\*Ý kiến của bị đơn anh Đồng Văn M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tr kết hôn năm 2011 đăng ký tại UBND xã B, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Vợ chồng anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc được 2 năm, sau đó nảy sinh mâu thuẫn, anh và chị Tr sống ly thân từ năm 2014. Nay chị Tr có đơn xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để lo chữa bệnh cho con. Nếu chị Tr vẫn cương quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung là Đồng Phương L, sinh ngày 31/8/2013; Đồng Văn D, sinh ngày 17/9/2011. Nếu phải ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Đồng Phương L; Đồng Văn D cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Tr có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/3/2021 Tòa án đã tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án trên. Tại phiên hòa giải chị Tr vẫn cương quyết xin ly hôn, anh M không đồng ý ly hôn. Tòa án đã ra thông báo hòa giải vào lần tiếp theo nhưng chị Tr có đơn xin giải quyết vắng mặt đồng thời chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa mà đưa vụ án ra xét xử, anh M cũng vắng mặt tại buổi hòa giải không có lý do.

Do các đương sự không thỏa thuận được về tình cảm vợ chồng, anh M không nhất trí ly hôn nên vụ kiện được đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai. Tại phiên tòa, chị Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh M, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, anh M vắng mặt có lý do và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung cả chị Tr và anh M đều có nguyện vọng nuôi con chung, chị Tr không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung, anh M yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr và anh M đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh M đều không có mặt tại phiên tòa, Thẩm phán thay mặt Hội đồng xét xử công bố công khai bản tự khai anh M; Biên bản hòa giải.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều Tr khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết về con chung với bị đơn là anh Đồng Văn M. Bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại xóm N, xã B, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS năm 2015, anh M có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh M.

#### **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr và anh Đồng Văn M kết hôn năm 2011, trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu, hôn nhân là do tự nguyện, có làm đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái nguyên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chị Tr cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M và chị sau khi kết hôn sống chung thì nảy sinh mâu thuẫn, sống bất hòa, không hạnh phúc, không có tiếng nói chung. Anh M thường xuyên chơi bời

cờ bạc và có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2014 không còn quan tâm, qua lại chăm sóc nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn với anh M để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị Tr và anh M sau khi kết hôn đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tòa án đã kiên trì, hòa giải động viên vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung, nhưng chị Tr vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn do tình cảm với anh M đã không còn. Xét thấy, nền tảng cơ bản của hôn nhân là sự yêu thương tự nguyện của cả hai vợ chồng, nhưng đến nay đã không còn nữa, vợ chồng không còn lòng tin đối với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn khả năng đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn nên yêu cầu xin ly hôn của chị Tr được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Nguyễn Thị Kiều Tr ly hôn với anh Đồng Văn M.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr và anh Đồng Văn M trong quá trình chung sống đã có 02 con chung là Đồng Phương L, sinh ngày 31/8/2013; Đồng Văn D, sinh ngày 17/9/2011. Quá trình giải quyết chị Tr và anh M đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tại phiên tòa chị Tr đề nghị mỗi người nuôi 01 con chung, chị không yêu cầu cấp dưỡng. Xét yêu cầu của chị Tr là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh M hiện đang nuôi con chung và có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, nhưng quá trình giải quyết không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến thu nhập và chỗ ăn ở ổn định nên yêu cầu không được chấp nhận. Giao con chung Đồng Phương L, sinh ngày 31/8/2013 cho chị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cho con chung Đồng Văn D, sinh ngày 17/9/2011 cho anh M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Hai bên được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr, anh M đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2015;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều Tr với anh Đồng Văn M.

Chị Nguyễn Thị Kiều Tr được ly hôn với anh Đồng Văn M.

[2]. Về con chung:

- Giao con chung Đồng Phương L, sinh ngày 31/8/2013 cho chị Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cho con chung Đồng Văn D, sinh ngày 17/9/2011 cho anh M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Hai bên được quyền đi lại thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị ai cản trở.

[3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr và anh M mỗi người nuôi một con chung, nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr và anh M khai không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 0008145 ngày 08 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[6]. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kiều Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đồng Văn M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Thái Nguyên có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TP SCTN;
- Chi cục THATP SCTN;
- UBND xã B, TP SCTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Bình**

